

Số: 36 /2015/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 27 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Nam Định

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 /8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1649/TTr-SNV ngày 20/10/2015 về việc ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2022/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 và các văn bản quy định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về công tác thi đua khen thưởng của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên HĐ TĐKT tỉnh;
- Như Điều 3; Công báo;
- Sở Nội vụ (Ban TĐKT);
- Lưu: VP1, VP8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Hồng Phong

QUY ĐỊNH

Về công tác Thi đua Khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 36 /2015/QĐ-UBND
ngày 27/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nam Định gồm: Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; Tuyến trình khen, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua Khen thưởng các cấp; Quỹ thi đua khen thưởng.

2. Các nội dung không được nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng ngày 16/11/2013 và các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Luật Thi đua Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với:

a) Công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh của tỉnh Nam Định.

b) Các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

2. Quy định này không áp dụng đối với việc xét khen thưởng thành tích xây dựng tổ chức Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, Hội hoặc thành tích trong các cuộc thi, các cuộc vận động hoặc các phong trào thi đua do cơ quan Trung ương của các tổ chức này đề xướng, chủ trì, tổ chức.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

a) Thi đua thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai; đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, thành tích thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua. Mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng

a) Đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

c) Căn cứ thành tích đạt được để xem xét khen thưởng cho phù hợp; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều đổi mới, sáng tạo trong lao động, công tác.

d) Đảm bảo thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng. Kết hợp giữa việc khuyến khích, động viên tinh thần với khuyến khích, động viên bằng lợi ích vật chất.

đ) Khi xét khen thưởng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, phụ trách.

e) Cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Đối với khen thưởng thành tích trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

f) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh chỉ đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị khác khi sơ kết, tổng kết thi đua theo chuyên đề hoặc khen thưởng đột xuất.

g) Đối với cá nhân, trong một năm chỉ xét đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) một lần hoặc đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất).

h) Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

i) Chưa xét khen thưởng đối với các trường hợp đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo nhưng chưa được xác minh làm rõ.

k) Không thực hiện việc khen thưởng cấp tỉnh cho các tập thể, cá nhân khi tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị định hoặc tham gia phục vụ Hội nghị, Hội thảo, Diễn đàn, Lễ hội;

Không xét khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân thực hiện công việc được đảm nhận theo nhiệm vụ công tác hoặc theo chương trình, kế hoạch đã định trước.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN THI ĐUA

Mục 1. TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động phong trào nhằm thực hiện tốt nhất công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị.

b) Đối tượng của thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau.

c) Các tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua thường xuyên phải thực hiện đăng ký thi đua, xác định mục tiêu thi đua, chỉ tiêu thi đua.

d) Hàng năm các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo tổ chức cho các tập thể, cá nhân đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua theo quy định và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Việc đăng ký thi đua với UBND tỉnh như sau:

- Xác định rõ nội dung, chỉ tiêu thi đua cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đăng ký danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký danh hiệu thi đua của tập thể, cá nhân trước ngày 31/3 hàng năm.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc thi đua theo đợt)

a) Thi đua theo chuyên đề (hoặc thi đua theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Việc phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) phải đảm bảo yêu cầu:

- Xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian thực hiện.

- Báo cáo, đăng ký nội dung và được sự chấp thuận của Thường trực tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức phát động và tổ chức phong trào thi đua gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua Khen thưởng, Sở Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi.

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch UBND huyện, thành phố khen thưởng theo thẩm quyền cho những trường hợp có thành tích trong thực hiện phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt). Đối với trường hợp đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng phải được Lãnh đạo tỉnh chấp thuận chủ trương trước khi trình khen.

d) Đối với các phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian từ 03 năm trở lên, trước khi sơ kết, tổng kết, các ngành, đơn vị, địa phương lựa chọn, đề xuất những tập thể, cá nhân tiêu biểu, thống nhất với Sở Nội vụ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

Những trường hợp đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương (sau đây gọi là khen thưởng cấp nhà nước) chỉ thực hiện sau khi đã báo cáo và được sự hướng dẫn của Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ.

2. Hàng năm các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; UBND các huyện, thành phố; các Khối thi đua của tỉnh sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo về Sở Nội vụ (Ban Thi đua, Khen thưởng).

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các doanh nghiệp, các Hợp tác xã có trách nhiệm tổ chức phát động, nhân rộng phong trào thi đua; chủ động phát hiện, đánh giá, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu (là điển hình tiên tiến) trong phạm vi quản lý để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định; đồng thời chú trọng đến công tác phổ biến, tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, các phong trào thi đua yêu nước; phổ biến những kinh nghiệm, phát hiện, nêu gương và nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhân tố mới, gương người tốt, việc tốt; đồng thời đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 2. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

- a) Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
- b) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.
- c) Chiến sĩ thi đua cơ sở.
- d) Lao động tiên tiến.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

- a) Cờ thi đua của Chính phủ.
- b) Cờ thi đua của UBND tỉnh.
- c) Tập thể lao động xuất sắc.
- d) Tập thể lao động tiên tiến.

đ) Thôn văn hoá; Xóm văn hoá; Làng văn hoá; Tổ dân phố văn hóa và Gia đình văn hóa.

3. Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang tỉnh thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh thống nhất với Sở Nội vụ hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng năm 2013 và Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét đề nghị phong tặng sau năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ hai.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Cá nhân được xét tặng khi đạt các tiêu chuẩn:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học có tác dụng ảnh hưởng đối với tỉnh và được Hội đồng Sáng kiến, Khoa học của tỉnh xem xét, công nhận;

c) Có tỷ lệ phiếu bầu của Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh đạt từ 90% trở lên (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Việc xét, công nhận sáng kiến cấp tỉnh thực hiện theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của UBND tỉnh Nam Định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Những trường hợp được xét, vận dụng thay thế giải pháp, sáng kiến

a) Đạt giải nhất, nhì, ba trong hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật từ cấp tỉnh, Bộ, ngành Trung ương trở lên;

b) Được tặng “Bằng lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc có sáng kiến được Hội đồng Sáng kiến, khoa học cấp Bộ, ngành, Trung ương công nhận;

c) Là chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, đã được nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu trở lên và áp dụng có hiệu quả trong thực tế;

d) Là tác giả hoặc đồng tác giả các giải thưởng của Nhà nước.

4. Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh được xét đề nghị sau năm đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

5. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” hàng năm không vượt quá 15% tổng số cá nhân 03 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” của cơ quan, đơn vị. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có số lượng biên chế ít, không đủ tỷ lệ 15% thì được xét đề nghị 01 cá nhân.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”

1. Cá nhân được xét tặng khi đạt các tiêu chuẩn:

a) Là cá nhân tiêu biểu được lựa chọn trong số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cấp cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã công nhận;

2. Những trường hợp được xem xét, vận dụng thay thế giải pháp, sáng kiến

a) Đạt giải nhất, nhì, ba hoặc huy chương vàng, bạc, đồng trong các cuộc thi chuyên môn, thi kỹ thuật của các ngành, địa phương hoặc của tỉnh, khu vực; đạt giải trong các cuộc thi của tỉnh hoặc các Bộ, ngành Trung ương tổ chức;

b) Được tặng “Bằng lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

c) Có đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên; là thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, ngành Trung ương đã được nghiệm thu, đánh giá mức đạt yêu cầu trở lên;

d) Là tác giả, hoặc đồng tác giả các giải thưởng của Nhà nước;

đ) Là tác giả chủ trì xây dựng, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã xem xét, công nhận.

4. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” quyết định thành lập.

Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

5. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” hàng năm không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị.

Điều 11. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Cán bộ, công chức, viên chức được xét tặng khi đạt các tiêu chuẩn:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất, chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Công nhân, nông dân, người lao động được xét tặng khi đạt các tiêu chuẩn:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Thời gian nghỉ việc được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích phải điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế;

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng;

c) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên;

d) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định.

4. Cá nhân được điều động, chuyển công tác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cá nhân mới chuyển đến. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.

5. Cá nhân được biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân biệt phái).

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với trường hợp:

- a) Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;
- b) Nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên trong năm;

c) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 12. Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ

1. Cờ thi đua của Chính phủ được xét đề nghị tặng cho các tập thể sau:

a) Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua của UBND tỉnh.

b) Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, huyện, thành phố dẫn đầu các khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức.

c) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên

2. Số lượng tập thể đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ hàng năm không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh.

Điều 13. Danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh

1. Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng cho tập thể sau:

a) Các tập thể tiêu biểu xuất sắc thuộc các khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức.

b) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động .

c) Tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong công tác và phong trào thi đua của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh.

2. Không thực hiện việc xét, đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho các tập thể thuộc đối tượng quản lý của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh .

3. Tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh:

a) Đạt tiêu chuẩn là “Tập thể lao động xuất sắc”;

b) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

c) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong tỉnh học tập; có các biện pháp cải tiến trong lao động, sản xuất, công tác;

d) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

đ) Thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành, địa phương; xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh.

4. Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc để được xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh phải thông qua bình xét, đánh giá, so sánh và suy tôn trong các cụm, khối thi đua.

5. Căn cứ tình hình nhiệm vụ được giao, UBND tỉnh quyết định việc phân bổ số lượng Cờ thi đua cho các Khối thi đua, các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết nhiệm vụ công tác năm của các cơ quan, đơn vị.

2. Đối tượng được xét tặng:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: các phòng, ban và tương đương thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

b) Đối với cấp huyện gồm: các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương.

d) Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, Hợp tác xã... (trừ các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

3. Tập thể được xét tặng khi đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”;

b) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

c) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

d) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

đ) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tỷ lệ xét, đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”: không quá 30% tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết nhiệm vụ công tác năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Đối tượng được xét tặng theo khoản 2 Điều 14 Quy định này và các đơn vị trực thuộc Chi cục, Trung tâm và tương đương.

3. Tập thể được xét tặng khi đạt các tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 16. Danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Xóm văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và “Gia đình văn hóa”

Thực hiện theo quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét công nhận Danh hiệu “Làng văn hoá”, “Thôn văn hoá”, “Xóm văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá” và “Gia đình văn hoá” (ban hành kèm theo Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của UBND tỉnh).

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là việc khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của tỉnh.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là việc khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là việc khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là việc khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội) có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là việc khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 18. UBND tỉnh khen thưởng đối với phong trào thi đua; thành tích chuyên đề (theo đợt thi đua); khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống và Đại hội nhiệm kỳ được thực hiện như sau

1. Khen thưởng các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm được thực hiện theo quy định của tỉnh đối với từng phong trào.

2. Khen thưởng sơ kết, tổng kết theo chuyên đề hoặc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh phát động:

a) Ban Chỉ đạo hoặc cơ quan thường trực giúp việc cho UBND tỉnh căn cứ nội dung, kế hoạch hoạt động, xây dựng các tiêu chí bình xét thi đua và phối hợp với Sở Nội vụ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

b) Đối tượng khen thưởng chủ yếu là các tập thể cơ sở, cá nhân trực tiếp tham gia phong trào, trực tiếp lao động sản xuất. Không xét khen thưởng cho tập thể Ban chỉ đạo hoặc cơ quan thường trực giúp việc cho UBND tỉnh.

3. Khen thưởng nhân kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống vào những năm tròn theo quy định của Nhà nước; khen thưởng nhân Đại hội nhiệm kỳ:

a) Các ngành, địa phương, đơn vị phải báo cáo và được sự chấp thuận của Lãnh đạo tỉnh về việc tổ chức lễ kỷ niệm và khen thưởng cho các tập thể, cá nhân nhân dịp Kỷ niệm hoặc Đại hội.

b) Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng:

- Đối với cá nhân: Lựa chọn những cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong số những cá nhân có thời gian công tác tại đơn vị đủ thời gian được xét tặng Kỷ niệm chương của ngành, đơn vị theo quy định; trong quá trình công tác không vi phạm kỷ luật lao động, không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; 05 năm liền kề trước thời điểm đề nghị khen thưởng phải liên tục đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong đó đã có năm được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” hoặc được Thủ trưởng đơn vị tặng Giấy khen.

- Đối với tập thể: Là những tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; không có cá nhân vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; 05 năm liền kề trước thời điểm đề nghị khen thưởng phải liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” hoặc được tặng các hình thức khen thưởng khác.

4. Đối với các hội là tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đề nghị UBND tỉnh xét khen thưởng trong các trường hợp:

a) Nhân kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống vào những năm tròn theo quy định của Nhà nước.

b) Nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ.

c) Có thành tích xuất sắc trong thực hiện các nhiệm vụ do tỉnh giao, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng- an ninh của tỉnh;

5. Trước khi xét đề nghị khen thưởng thành tích trong các phong trào thi đua, thành tích chuyên đề, khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống và Đại hội nhiệm kỳ; các ngành, đơn vị, địa phương phải xây dựng kế hoạch, thống nhất với Sở Nội vụ về số lượng tập thể, cá nhân đề nghị tặng Bằng khen trước khi trình UBND tỉnh.

Điều 19. UBND tỉnh khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các lĩnh vực: Giáo dục Đào tạo, Thể dục Thể thao, Văn hóa Nghệ thuật, Khoa học Công nghệ trong các trường hợp

1. Học sinh, sinh viên của tỉnh đạt giải đặc biệt, nhất, nhì, ba (hoặc huy chương vàng, bạc, đồng) trong kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế.

2. Cá nhân đạt giải đặc biệt, nhất, nhì, ba (hoặc huy chương vàng, bạc, đồng), tập thể xuất sắc trong các cuộc thi cấp quốc gia, quốc tế trên các lĩnh vực thể dục thể thao, văn hóa nghệ thuật, khoa học công nghệ.

3. Giáo viên, giảng viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên đạt giải quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Huấn luyện viên, hướng dẫn viên của tỉnh trực tiếp huấn luyện, hướng dẫn cho các cá nhân có thành tích quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 20. Tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được xét tặng Bằng khen khi đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh, Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trong thời gian đó có ít nhất 02 sáng kiến, giải pháp công tác được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết được xét tặng Bằng khen khi đạt được một trong các tiêu chuẩn:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh, Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được xét tặng Bằng khen khi đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã;

b) Công nhân có sáng kiến trong lao động, sản xuất được công nhận và áp dụng mang lại lợi ích cho doanh nghiệp; có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên được cấp huyện công nhận, giúp đỡ hộ nông dân khác xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm ổn định cho người lao động.

4. Gia đình được tặng Bằng khen khi đạt các tiêu chuẩn:

a) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

b) Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị 300 triệu đồng trở lên.

5. Tỷ lệ xét đề nghị tặng Bằng khen của UBND tỉnh không quá 30% tổng số tập thể, cá nhân được tặng Giấy khen.

Đối với khen thưởng thành tích trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, hàng năm các ngành, đơn vị, địa phương phải xây dựng kế hoạch, đăng ký số lượng gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

6. Các tập thể, cá nhân đã được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen hoặc tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương thì sau 02 năm kể từ ngày có quyết định khen thưởng nếu đạt tiêu chuẩn theo quy định thì tiếp tục được xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng (trừ các hình thức khen thưởng chuyên đề, đột xuất).

Điều 21. Tiêu chuẩn Giấy khen

1. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định tặng thưởng Giấy khen.

2. Cá nhân được xét tặng Giấy khen khi đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể được tặng Giấy khen khi đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Gia đình được tặng Giấy khen khi đạt các tiêu chuẩn:

a) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

b) Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Căn cứ vào tình hình thực tế, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quy định mức đóng góp của gia đình để khen thưởng cho phù hợp.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN, TUYÊN TRÌNH KHEN; THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 23. Thẩm quyền quyết định, đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Quyết định tặng Bằng khen, tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

b) Xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

a) Quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

b) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng Bằng khen, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện:

a) Quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Thôn, làng, xóm, tổ dân phố văn hóa”.

b) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng Bằng khen, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Chủ tịch UBND cấp xã:

a) Quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hóa”;

b) Đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng Giấy khen, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Thôn, làng, xóm, tổ dân phố văn hóa”.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu

“Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

Điều 24. Tuyển trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Trường hợp Chủ tịch UBND các huyện, thành phố đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể và Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể thuộc huyện, thành phố phải có ý kiến hiệp ý của các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh có liên quan.

2. Việc đề nghị khen thưởng cho đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách các cấp:

- Đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

- Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND cấp huyện tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Việc đề nghị khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan Đảng (các ban đảng, cơ quan thuộc Tỉnh ủy), đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng quy định thì cơ quan đảng (các ban đảng, cơ quan thuộc huyện ủy, thành ủy) đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Liên đoàn Lao động tỉnh xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng (sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan chuyên môn cùng cấp):

a) Liên đoàn Lao động cấp huyện.

b) Công đoàn ngành cấp tỉnh.

c) Công đoàn viên chức tỉnh.

d) Công đoàn khu công nghiệp.

đ) Công đoàn Tổng công ty và tương đương.

e) Công đoàn cơ sở.

f) Cán bộ Công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách của tổ chức Công đoàn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 4 Điều này.

5. Đối với doanh nghiệp:

a) Đối với các doanh nghiệp thuộc Khôi thi đua của tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình cấp trên khen thưởng qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng).

b) Đối với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty liên doanh, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp tư nhân, Hợp tác xã có trụ sở đóng trên địa bàn huyện, thành phố nào, thì Chủ tịch UBND huyện, thành phố đó khen thưởng và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình cấp trên khen thưởng.

c) Đối với các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp của tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh khen thưởng và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình cấp trên khen thưởng.

6. Đối với các tổ chức hội ở địa phương: Các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Hồ sơ đề nghị khen thưởng trình UBND tỉnh qua Sở Nội vụ.

7. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm trong phạm vi đơn vị, địa phương nào thì đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt là người đó trong hay ngoài đơn vị, địa phương).

8. Việc khen thưởng cho người Việt Nam định cư, làm việc, học tập ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài do ngành cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, địa phương nào trực tiếp làm việc với tổ chức, cá nhân nêu trên lập thủ tục hồ sơ khen thưởng, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

9. Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh: Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định của Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua Khen thưởng, Sở Nội vụ), Hội đồng họp xét, cho ý kiến đề nghị UBND tỉnh xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho các tập thể được các Khối thi đua của tỉnh bình xét; đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương các loại; danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” cho các tập thể, cá nhân.

10. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh; UBND tỉnh đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với các trường hợp:

a) Các danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; Huân chương các loại cho tập thể, cá nhân của tỉnh.

b) Cán bộ, công chức lãnh đạo đề nghị khen thưởng cấp nhà nước là đối tượng thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Điều 25. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cấp trình khen thưởng.

b) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân.

c) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua Khen thưởng của cấp trình khen thưởng.

Đối với trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, các đơn vị phải có thêm các văn bản: Báo cáo tóm tắt về nội dung đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm hoặc giải pháp trong công tác và quản lý và Bản sao Quyết định công nhận đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh (hoặc Bộ, ngành Trung ương) hoặc văn bản nghiệm thu đề tài khoa học cấp tỉnh, Bằng Lao động sáng tạo; Quyết định công nhận đạt giải cuộc thi, hội thi hoặc giải thưởng nhà nước.

e) Số lượng hồ sơ:

- Đối với trường hợp đề nghị xét tặng các danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua của UBND tỉnh”: 02 bộ bản chính.

- Đối với trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và “Cờ thi đua của Chính phủ”: 04 bộ bản chính.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cấp trình khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân. Đối với những đơn vị và Thủ trưởng đơn vị có nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước, trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ các nội dung sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký.

- Tỷ lệ % về số nộp Ngân sách nhà nước so với năm trước.

- Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

c) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của cấp trình khen thưởng.

d) Số lượng hồ sơ:

- Bằng khen của UBND tỉnh: 02 bộ bản chính.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 04 bộ bản chính.
- Huân chương các loại: 05 bộ bản chính.

đ) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác, do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng lập, thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;
- Báo cáo tóm tắt thành tích.

3. Các trường hợp được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a) Khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên khích lệ quần chúng.

b) Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập.

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm có: Tờ trình đề nghị của đơn vị trình khen và Báo cáo tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp; trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

4. Các trường hợp đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", danh hiệu Anh hùng, Huân chương; trước khi trình Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh xét duyệt, Sở Nội vụ đăng tải để lấy ý kiến nhân dân trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ trong thời hạn 10 ngày làm việc, sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 26. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng) lưu trữ hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, cơ quan, đơn vị; UBND các huyện, thành phố lưu trữ hồ sơ khen thưởng của các tập thể cá nhân cấp mình quản lý để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận khen thưởng khi các đối tượng có yêu cầu.

3. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 27. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen và các danh hiệu thi đua thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm có:

a) Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng đối với từng loại hình khen thưởng cho cá nhân.

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

4. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua Khen thưởng các cấp

1. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Điều 29. Cơ cấu Hội đồng Thi đua Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh

a) Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh gồm có Chủ tịch Hội đồng, không quá 04 Phó Chủ tịch Hội đồng và không quá 11 ủy viên, trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND tỉnh;

- Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng ban Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh là Phó Chủ tịch thường trực; các Phó Chủ tịch Hội đồng khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

- Các thành viên Hội đồng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Trưởng ban Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh phân công.

b) Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh thuộc Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh.

c) Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh họp khi có ít nhất khi 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt. Trường hợp cần thiết không tổ chức họp Hội đồng được, Chủ tịch Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh quyết định lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng bằng văn bản.

2. Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh

a) Hội đồng Thi đua Khen thưởng của các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh gồm có Chủ tịch Hội đồng, không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng và không quá 05 ủy viên, trong đó:

- Thủ trưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh là Chủ tịch Hội đồng.

- Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên của Hội đồng do Thủ trưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh quyết định sau khi thống nhất với đại diện các tổ chức đoàn thể của cơ quan, đơn vị.

b) Văn phòng hoặc Phòng Tổ chức Cán bộ của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh là bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua Khen thưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

3. Hội đồng Thi đua Khen thưởng huyện, thành phố

a) Hội đồng Thi đua Khen thưởng huyện, thành phố gồm có Chủ tịch Hội đồng, không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng và không quá 09 ủy viên, trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

- Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên của Hội đồng là lãnh đạo huyện, thành phố và lãnh đạo một số phòng, ban chức năng chuyên môn thuộc huyện, thành phố; đại diện các tổ chức đoàn thể do Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định theo đề nghị của Phòng Nội vụ.

b) Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua Khen thưởng huyện, thành phố.

4. Hội đồng Thi đua Khen thưởng xã, phường, thị trấn

a) Hội đồng Thi đua Khen thưởng xã, phường, thị trấn gồm có Chủ tịch Hội đồng, không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng và không quá 06 ủy viên, trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

- Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên của Hội đồng do Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định theo đề nghị của Văn phòng HĐND và UBND xã, phường, thị trấn.

b) Văn phòng HĐND và UBND xã, phường, thị trấn làm nhiệm vụ Thường trực của Hội đồng Thi đua Khen thưởng xã, phường, thị trấn.

5. Hội đồng Thi đua Khen thưởng doanh nghiệp, Hợp tác xã

a) Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Doanh nghiệp, Hợp tác xã gồm Chủ tịch Hội đồng, không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng và không quá 06 ủy viên, trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp, Giám đốc Hợp tác xã là Chủ tịch Hội đồng.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên của Hội đồng là lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc và đại diện các tổ chức đoàn thể của doanh nghiệp, Hợp tác xã do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã quyết định.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 30. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/05/2011 của Bộ Tài chính.

2. Quỹ thi đua khen thưởng của Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm và từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 31. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quản lý Quỹ thi đua khen thưởng

a) Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua Khen thưởng, Sở Nội vụ quản lý.

b) Quỹ thi đua khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh do Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh quản lý.

c) Quỹ thi đua khen thưởng của huyện, thành phố do Phòng Nội vụ huyện, thành phố quản lý.

d) Quỹ thi đua khen thưởng của xã, phường, thị trấn do Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quản lý.

2. Việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/05/2011 của Bộ Tài chính.

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

3. Đối với các hình thức khen thưởng cấp nhà nước và khen thưởng cấp tỉnh; sau khi có quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, đơn vị, địa phương trực tiếp trình khen thưởng có trách nhiệm tiếp nhận tiền thưởng từ Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh, tổ chức cấp phát cho các cá nhân, tập thể được khen thưởng theo quy định.

Điều 32. Mức tiền thưởng

Mức tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75 và 76 của Nghị định số 42/2010/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp, trường học, tổ chức, đơn vị, căn cứ Quy định này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với ngành, địa phương, cơ quan đơn vị mình. Ngoài các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và các nội dung thi đua, khen thưởng trong Quy định này, Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp, trường học, tổ chức, đơn vị có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Quy định này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng nhân điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

3. Giao Sở Nội vụ tổ chức hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Quy định này.

4. Quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các ngành, các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi kịp thời./. *cuonl*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Hồng Phong